

Một số vấn đề lý luận và thực tiễn để định vị Việt Nam trong cục diện thế giới hiện nay

Nguyễn Khánh Vân*

Nhận ngày 12 tháng 10 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 3 năm 2025.

Tóm tắt: Trong hệ thống quốc tế, bất kì quốc gia nào cũng quan tâm tới định vị quốc gia, vì chỉ khi xác định chính xác chỗ đứng của quốc gia thì mới có thể hoạch định các chiến lược và chính sách quốc gia một cách phù hợp. Cục diện thế giới hiện nay đang biến đổi nhanh chóng và đòi hỏi việc định vị quốc gia phải được tiến hành một cách kịp thời và chuẩn xác. Bài viết tiếp cận việc định vị quốc gia dựa trên các lý thuyết về quan hệ quốc tế và xã hội học, nhấn mạnh vào ba yếu tố là sức mạnh tổng hợp quốc gia, địa vị quốc gia và quyền lực, đồng thời trên cơ sở những lý thuyết đó nhận diện về thực tiễn của việc định vị Việt Nam trong cục diện thế giới hiện nay.

Từ khoá: Việt Nam, định vị, cục diện thế giới, địa vị quốc gia, cường quốc tầm trung.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: In the international system, all countries pay attention to national positioning, because only when the position of the country is accurately defined can national strategies and policies be planned appropriately. The current world situation has been changing rapidly and thus required national positioning to be carried out promptly and accurately. The article approaches national positioning based on theories of international relations and sociology, emphasizing three factors: national comprehensive strength, status and power. Based on these theories, the article identifies the practice of positioning Vietnam in the current world situation.

Keywords: Vietnam, positioning, world situation, national status, middle power.

Subject classification: Political Science

1. Mở đầu

Trong các nghiên cứu về hệ thống quốc tế hiện đại, sự quan tâm tập trung vào các chủ thể của hệ thống và mối quan hệ giữa các chủ thể này. Nhiều nghiên cứu lý thuyết đã đề cập đến việc xác định chủ thể (quốc gia) trong hệ thống quốc tế vốn được cho là có thứ bậc. Ở Việt Nam, cách tiếp cận và các phương pháp định vị quốc gia chưa được thống nhất. Chưa có khái niệm được công nhận rộng rãi về định vị quốc gia với các nội hàm cụ thể cũng như các hệ thống lý thuyết để củng cố các khái niệm này. Trên thực tế, khi đề cập đến việc định vị, nghĩa là xác định Việt Nam trong hệ thống quốc tế, nhiều khái niệm, thuật ngữ khác nhau thường được nhắc đến như là địa vị, vị thế, thế và lực, quyền lực... Các thuật ngữ này được sử dụng với các nội hàm đôi khi trùng lặp và không nhất quán vì vậy tạo nên sự “bối rối” và khó khăn để nghiên cứu định vị Việt Nam. Với lý do như vậy, trong phạm vi bài viết, chúng tôi đã vận dụng các lý thuyết xã hội học và nghiên cứu quan hệ quốc tế để xây dựng khái niệm định vị quốc gia và áp dụng vào trường hợp của Việt Nam. Cách tiếp cận của chúng tôi đối với việc định vị quốc gia trước hết dựa trên lý thuyết về phân tầng xã hội của Max Weber, người mà những quan điểm của ông đã đặt nền móng cho nghiên cứu khoa học xã hội nói

* Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyengkhanhvan_vias@yahoo.com

chung. Theo lý thuyết đó, sự sắp xếp về thứ bậc trong xã hội được xem xét dựa trên ba yếu tố chính là tài sản, địa vị và quyền lực (Weber, 1978). Bởi vì hệ thống quốc tế chính là sự mô phỏng của một hệ thống xã hội, nên chúng tôi cho rằng sự sắp xếp về thứ bậc của một quốc gia trong hệ thống quốc tế cũng sẽ dựa trên mức độ sở hữu của quốc gia với ba yếu tố tương tự, đó là sức mạnh tổng hợp, địa vị và quyền lực của quốc gia đó. Ba yếu tố này đều đã được phát triển trong các lý thuyết quan hệ quốc tế cụ thể. Để định vị một quốc gia đang ở đâu trong hệ thống thứ bậc quốc tế cần phải xem xét và đánh giá tổng thể cả ba yếu tố này. Vì vậy, *định vị quốc gia được hiểu là việc đánh giá về sức mạnh tổng hợp (các nguồn lực của quốc gia), địa vị (uy tín, vai trò được công nhận của quốc gia) và quyền lực (mức độ ảnh hưởng) của quốc gia trong các phạm vi và môi trường quốc tế khác nhau.*

Phương pháp nghiên cứu được áp dụng chủ yếu là phương pháp định tính, bao gồm phân tích nội dung tài liệu và áp dụng các kỹ thuật như tổng hợp, so sánh, thống kê... Trong nghiên cứu này, chúng tôi đặc biệt khảo cứu ba phạm trù lý thuyết của nghiên cứu quan hệ quốc tế liên quan đến sức mạnh tổng hợp, địa vị và quyền lực và triển khai các phạm trù lý thuyết này vào thực tế của Việt Nam hiện nay. Kết quả cho thấy rằng, Việt Nam đã có sự gia tăng về sức mạnh tổng hợp sau nhiều thập kỷ cải cách, địa vị quốc gia đã được nâng tầm đáng kể và đất nước đã phát huy được quyền lực của một quốc gia tầm trung.

2. Một số vấn đề về lý luận để định vị quốc gia

2.1. Làm thế nào để định vị một quốc gia trong hệ thống quốc tế?

Có những cách tiếp cận khác nhau trong nghiên cứu định vị quốc gia, tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi lựa chọn cách tiếp cận từ quan điểm về phân tầng xã hội của Max Weber, nhấn mạnh vào ba thành tố có tính quyết định đối với sắp xếp thứ bậc trong xã hội là tài sản, địa vị và quyền lực (Weber, 1978). Thứ bậc của các quốc gia trong hệ thống quốc tế cũng sẽ dựa trên mức độ sở hữu với ba yếu tố tương tự: Tài sản có thể được hiểu là sức mạnh tổng hợp đến từ sự giàu có, các nguồn lực (vật chất, phi vật chất) mà quốc gia sở hữu. Địa vị là vị trí được công nhận của quốc gia trong hệ thống quốc tế, cơ sở chính của địa vị quốc gia là sự đánh giá các nguồn lực nổi trội của quốc gia đó. Quyền lực là khả năng tác động, gây ảnh hưởng của quốc gia trong những không gian quốc tế nhất định, trên cơ sở phát huy nguồn lực và địa vị của mình. Các yếu tố này có sự gắn kết và tương tác qua lại với nhau, giúp xác định một quốc gia đang nằm ở đâu trong hệ thống quốc tế.

Nhiều nghiên cứu lý thuyết trong quan hệ quốc tế đã được phát triển giúp hình dung cụ thể hơn về các phạm trù khái niệm này, bao gồm các nghiên cứu lý thuyết về sức mạnh tổng hợp quốc gia, về địa vị và về quyền lực trong quan hệ quốc tế.

2.2. Sức mạnh tổng hợp quốc gia

Các nghiên cứu về sức mạnh tổng hợp quốc gia nhằm tính toán, đo lường các nguồn lực quan trọng của một quốc gia. Các nghiên cứu về sức mạnh tổng hợp quốc gia tạo cơ sở quan trọng cho nghiên cứu về quyền lực và so sánh, dự đoán thứ bậc, địa vị quốc tế. Nghiên cứu đặt nền móng của Ray Cline năm 1975 đã xác định các thành tố tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia thông qua *Phương trình sức mạnh quốc gia*: $P = (C+E+M) \times (S+W)$, trong đó P là sức mạnh quốc gia, C là dân số và lãnh thổ, E là sức mạnh kinh tế, M là sức mạnh quân sự, S là chiến lược quốc gia và W là ý chí quốc gia (Cline, 1975).

Các học giả Trung Quốc thường sử dụng khái niệm Sức mạnh toàn diện quốc gia (CNP). Để tính toán CNP, Li Qingshan cho rằng cần phải quan tâm đến năm yếu tố then chốt là chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ và đối ngoại (Li Qingshan, 1995). Trong khi đó, Wang Songfen xây dựng một khung chỉ số cụ thể hơn, bao gồm: Tài nguyên thiên nhiên;

năng lực hoạt động kinh tế; năng lực hoạt động kinh tế đối ngoại; năng lực khoa học và công nghệ; trình độ phát triển xã hội; khả năng quân sự; quy định và khả năng kiểm soát của chính phủ; và năng lực đối ngoại (Wang Songfen, 1996). Huang Shuofeng thì phân loại CNP gồm: *chỉ số sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần* - chủ yếu phản ánh sức mạnh căn cơ của một quốc gia để tồn tại và phát triển, bao gồm bốn phân hệ cụ thể: Phân hệ quyền lực chính trị; phân hệ quyền lực đối ngoại; phân hệ sức mạnh khoa học công nghệ; và phân hệ sức mạnh quốc phòng; *chỉ số năng lực phối hợp* - chủ yếu phản ánh trình độ tổ chức, chỉ huy, điều hành và ra quyết định của cơ chế lãnh đạo; và *chỉ số môi trường* - chủ yếu phản ánh các điều kiện hạn chế của CNP (Huang Shuofeng, 1992).

Như vậy, các phương thức tính toán sức mạnh tổng hợp quốc gia rất khác nhau, nhưng về cơ bản đều được đo lường dựa trên các thành tố cứng (các nguồn lực vật chất và tinh thần như nguồn tài nguyên thiên nhiên, của cải mà quốc gia sở hữu, con người, văn hoá, tư tưởng, giá trị...) và thành tố mềm (các định hướng, chiến lược để phát huy nguồn lực mà quốc gia có). Đặc biệt, sức mạnh tổng hợp quốc gia không phải là bất biến, nó sẽ thay đổi theo thời gian và sự biến đổi của cấu trúc thế giới, cũng như thông qua sự trao đổi các dòng năng lượng, vật chất và thông tin trong phạm vi môi trường quốc tế.

2.3. Địa vị quốc gia

Các nghiên cứu lý thuyết có ảnh hưởng bàn về địa vị (status) quốc gia nhìn chung có sự đồng thuận về mặt khái niệm. Larson và cộng sự đưa ra định nghĩa được trích dẫn rộng rãi nhất về địa vị, đó là “niềm tin tập thể về thứ hạng của một quốc gia nhất định dựa trên các thuộc tính được đánh giá cao (là sự giàu có, khả năng cường chế, văn hóa, vị trí nhân khẩu học, tổ chức chính trị xã hội và ảnh hưởng ngoại giao)” (Larson, Paul, Wohlforth, 2014: 7). Đối với Renshon, địa vị được định nghĩa là “chỗ đứng, hoặc xếp hạng trong một cộng đồng quốc gia” (Renshon, 2017: 4). Tương tự, Ward khẳng định rằng “địa vị đề cập đến vị trí của một chủ thể trong một hệ thống phân cấp xã hội” (Ward, 2017: 4) và Murray tuyên bố rằng “địa vị đơn giản là bản sắc quốc gia được công nhận” (Murray, 2019: 6).

Các khái niệm này chỉ ra các đặc tính quan trọng của địa vị như sau: *Thứ nhất*, địa vị thể hiện tính *phân cấp trong hệ thống*, khẳng định hệ thống quốc tế giống như một hệ thống phân cấp xã hội và mỗi chủ thể có vị trí nhất định trong hệ thống thứ bậc đó, một quốc gia chỉ có thể leo lên nấc thang địa vị nếu quốc gia khác tụt hạng. *Thứ hai*, biện pháp hoặc thước đo để xác định địa vị không chỉ dựa trên *sự phân bố năng lực vật chất*, nghĩa là việc các quốc gia sở hữu các thuộc tính được đánh giá cao như sức mạnh quân sự, phát triển kinh tế, thành tựu văn hóa, kỹ năng ngoại giao và đổi mới công nghệ, mà nó còn phụ thuộc vào *niềm tin tập thể*, nghĩa là sự công nhận từ các nhóm quốc gia khác. Các quốc gia muốn thay đổi vị trí địa vị của mình phải thay đổi niềm tin của người khác. *Thứ ba*, về *cách thức* các quốc gia đạt được địa vị mà họ mong muốn, Renshon cho rằng *sự khởi xướng và chiến thắng trong các cuộc xung đột quốc tế mang lại lợi ích đáng kể về địa vị* (Renshon, 2017: 158-162) vì nó có thể tác động lớn đến nhận thức của cộng đồng về địa vị của quốc gia. Larson và cộng sự cũng chỉ ra ba chiến lược khác nhau mà các quốc gia có thể sử dụng để nâng cao địa vị quốc tế của mình, bao gồm: (1) *Di động xã hội*, nghĩa là quốc gia có thứ hạng thấp tìm cách bắt chước (ví dụ, các thể chế quản trị và hoạt động) của các quốc gia có thứ hạng cao hơn để gia nhập hàng ngũ của họ; (2) *Cạnh tranh xã hội*, nghĩa là thông qua cạnh tranh trong các lĩnh vực nổi trội, quốc gia có thứ hạng thấp cố gắng ngang bằng hoặc vượt qua các quốc gia có thứ hạng cao hơn; (3) *Sáng tạo xã hội*, các quốc gia có thứ hạng thấp nỗ lực đạt được địa vị cao hơn bằng cách phát minh ra các tiêu chí đánh giá mới, cụ thể là xác định phương thức so sánh mới mà trong đó họ vượt trội hơn so với các quốc gia có thứ hạng cao hơn. Việc tìm kiếm địa vị cũng có thể diễn ra dưới những hình thức lành tính hơn - ví dụ như tổ chức Thế vận hội hoặc khởi động một chương trình không gian (Murray, 2019).

2.4. Quyền lực quốc gia

Max Weber đã định nghĩa quyền lực (power) là khả năng mà một người hay nhóm người thực hiện ý chí của mình trong hành động cộng đồng, bất chấp sự phản đối của những người cùng tham gia khác (Weber, 1978). Quan điểm này cũng đã được kế thừa và phát triển trong nghiên cứu chính trị và quan hệ quốc tế. Trường phái hiện thực đặt quyền lực là yếu tố trung tâm quyết định hành vi của các quốc gia, các nhà hiện thực như Hans Morgenthau cho rằng quyền lực là khả năng ép buộc hoặc gây ảnh hưởng đến quốc gia khác bởi các biện pháp cứng như quân sự và kinh tế (Morgenthau, 1948). Các nhà tư tưởng tự do như Robert Keohane và Joseph Nye bổ sung rằng quyền lực còn được thực hiện thông qua các biện pháp mềm như khả năng thu hút và dẫn dắt bằng các giá trị, thể chế và chuẩn mực quốc tế. Chủ nghĩa cấu trúc với đại diện là Alexander Wendt nhấn mạnh vào việc định hình ý tưởng và bản sắc trong hệ thống quốc tế, điều này có nghĩa là các quốc gia có thể gia tăng quyền lực của mình thông qua việc ảnh hưởng đến cách các quốc gia khác nhìn nhận thế giới và hành động trong đó (Wendt, 1999).

Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra nguồn gốc của quyền lực quốc gia, trong đó các yếu tố của sức mạnh tổng hợp quốc gia đóng vai trò cốt lõi. Nếu như quan điểm hiện thực cho rằng sức mạnh vật chất (gồm sức mạnh quân sự và kinh tế) quyết định quyền lực của một quốc gia, thì các quan điểm tự do đề cao sức mạnh tinh thần (sức hấp dẫn của giá trị văn hoá, tư tưởng, chuẩn mực), hay một số khác đề cao sức mạnh của thể chế, chính sách, năng lực lãnh đạo... Bên cạnh sức mạnh tổng hợp, địa vị của quốc gia cũng đóng góp vào việc tạo nên quyền lực của quốc gia đó. Renshon cho rằng các quốc gia muốn nâng cao địa vị quốc tế để thúc đẩy quyền lực và ảnh hưởng của mình. Khi địa vị được đánh giá cao, thường kéo theo một số quyền và lợi ích nhất định của quốc gia - ví dụ, một vai trò đặc quyền trong các tổ chức quốc tế, điều sẽ mang lại cơ hội định hình các sắp xếp chính trị, kinh tế và an ninh thế giới phù hợp với lợi ích của quốc gia đó. Ngoài ra, một quốc gia có địa vị quốc tế cao có thể tạo ra sự tôn trọng về mặt hành vi từ các quốc gia có thứ hạng thấp hơn, do đó có thể dễ thuyết phục các quốc gia này tham gia trong các mục tiêu phù hợp với lợi ích của mình hơn (Renshon, 2017: 47-50). Như vậy, địa vị có thể được hiểu là một hệ số nhân quyền lực quốc gia.

Nhìn chung, từ việc xem xét các lý thuyết liên quan, có thể thấy rằng *định vị quốc gia là việc đánh giá về sức mạnh tổng hợp (các nguồn lực của quốc gia), địa vị (uy tín, vai trò được công nhận của quốc gia) và quyền lực (mức độ ảnh hưởng của quốc gia) trong các phạm vi và môi trường quốc tế khác nhau*. Định vị quốc gia rất quan trọng vì đó là cơ sở để quốc gia hoạch định các chiến lược và chính sách phù hợp, mang lại lợi ích tối ưu cho sự tồn tại và phát triển của quốc gia trước những biến đổi của môi trường chính trị quốc tế.

3. Các yếu tố thực tiễn để định vị Việt Nam trong cục diện quốc tế hiện nay

Áp dụng cách tiếp cận về định vị quốc gia ở trên vào thực tiễn của Việt Nam, nghiên cứu này xem xét và đánh giá ba yếu tố là sức mạnh tổng hợp, địa vị và quyền lực của Việt Nam hiện nay, cụ thể như sau:

3.1. Sức mạnh tổng hợp của Việt Nam

3.1.1. Sức mạnh kinh tế

Việt Nam nằm ở trung tâm của một trong những khu vực phát triển năng động nhất hiện nay là Đông Nam Á. Vị trí án ngữ các tuyến giao thông hàng hải và thương mại trọng yếu hàng đầu thế giới cũng như gần gũi với các nền kinh tế phát triển mạnh mẽ và năng động trong khu vực đã tạo lợi thế quan trọng cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Quy mô và tiềm lực kinh tế của Việt Nam đã tăng trưởng ấn tượng trong gần bốn thập kỷ cải cách. Từ một nước thuộc nhóm nghèo khi bước ra khỏi chiến tranh, Việt Nam đã vươn lên trở thành

một nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Nền kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, với tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) luôn được duy trì ở mức cao, trung bình từ 6-7% mỗi năm trong suốt hơn hai thập kỷ qua. Quy mô GDP của nền kinh tế đến hết năm 2023 ước đạt khoảng hơn 430 tỉ USD, đứng thứ 35 trong số 40 nước có quy mô kinh tế hàng đầu thế giới, xếp thứ 5 trong khu vực Đông Nam Á (Hoàng Nguyễn, 2024). GDP bình quân đầu người của Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể, từ mức dưới 1.000 USD vào những năm 2000 lên trên 4.000 USD vào năm 2023 (Dương Ngọc, 2024). Năm 2020, Việt Nam lần đầu tiên lọt vào top 20 nước dẫn đầu thế giới về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và trở thành điểm sáng trong thu hút sự chuyển dịch dòng vốn FDI toàn cầu. Vị trí địa chính trị thuận lợi của Việt Nam, cùng với độ mở nền kinh tế đạt gần 200% so với quy mô GDP và những chính sách hội nhập tích cực, sâu rộng vào nền kinh tế thế giới là những động lực chính giúp cải thiện vị trí nền kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua. Đặc biệt, việc tham gia các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới tác động tích cực đến kinh tế Việt Nam, giúp nền kinh tế có khả năng cạnh tranh, đổi mới và sáng tạo mạnh mẽ hơn. Việt Nam hiện là một trong những nước xuất khẩu hàng đầu về nông sản, thủy sản và các sản phẩm điện tử trên thế giới.

3.1.2. Sức mạnh chính trị và đối ngoại

Đánh giá về sức mạnh chính trị - đối ngoại của Việt Nam có thể dựa trên một số tiêu chí đo lường sự ổn định chính trị, năng lực quản lý nhà nước, hiệu quả của chính sách đối ngoại và ảnh hưởng ngoại giao. Cụ thể, Báo cáo về Chỉ số Quản trị Toàn cầu (WGI) hàng năm của Ngân hàng Thế giới đánh giá 6 tiêu chí liên quan đến quản trị, trong đó, Việt Nam nằm ở khoảng giữa trong thang xếp hạng của tổ chức này với tiêu chí “tính hiệu quả của chính phủ” được xếp cao nhất trong các chỉ số năm 2023 là 56,13 trên thang 100 (World Bank, 2024). Theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Chỉ số Nhận thức Tham nhũng (CPI), đo lường tính liêm chính trong quản lý nhà nước và hiệu quả phòng chống tham nhũng của Việt Nam (năm 2023) là 41 điểm theo thang điểm từ 0 (tham nhũng cao) đến 100 (rất trong sạch) (Transparency International, 2024). Trên thực tế, dù đã thực hiện nhiều cải cách để nâng cao tính minh bạch và đạt được những tiến bộ nhất định trong thời gian gần đây, tuy nhiên, tham nhũng vẫn là một thách thức đáng kể, ảnh hưởng đến niềm tin vào hệ thống chính trị và làm suy giảm sức mạnh chính trị của Việt Nam.

Về sức mạnh ngoại giao của Việt Nam, các cải cách về mặt chính sách trong gần bốn thập niên qua đã mang lại hiệu quả tích cực. Đất nước theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương và cân bằng. Chính sách này đã giúp Việt Nam duy trì mối quan hệ ổn định với tất cả các cường quốc đồng thời vẫn giữ được sự độc lập, đồng thời đảm bảo được lợi ích kinh tế và an ninh quốc gia. Việc tích cực tham gia và đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong các tổ chức và diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc (LHQ), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức thương mại thế giới (WTO)... mang lại cho Việt Nam tiếng nói và ảnh hưởng lớn hơn trong các vấn đề quốc tế quan trọng như an ninh khu vực, hòa bình và phát triển bền vững. Tính toán về Chỉ số quyền lực châu Á của Viện Lowy cho thấy chỉ số Ảnh hưởng ngoại giao của Việt Nam đã tăng từ vị trí thứ 12 năm 2019 lên vị trí thứ 8 năm 2024 trên tổng số 27 quốc gia được khảo sát. Đây cũng là chỉ số tăng trưởng nhanh nhất và có đóng góp tích cực nhất vào sức mạnh tổng thể của Việt Nam (Lowy Institute, 2024).

3.1.3. Sức mạnh quân sự và quốc phòng

Sức mạnh quân sự và quốc phòng của Việt Nam có thể được đánh giá dựa trên một số thành tố chính bao gồm: lực lượng quân sự, trang thiết bị vũ khí, chiến lược quốc phòng và vai trò trong hợp tác quốc tế.

Lực lượng Quân đội Nhân dân Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn lịch sử quan trọng và phát triển thành một lực lượng quân sự hiện đại và đa dạng. Theo ước tính của tổ chức tổ chức phân tích quốc phòng nổi tiếng hàng đầu thế giới là Global Firepower năm 2024, Việt Nam có khoảng 600.000 quân thường trực, lực lượng bán quân sự là 250.000 người (lần lượt đứng thứ 9 và 8 trong tổng số 145 quốc gia được khảo sát). Đặc biệt, Việt Nam có khoảng 5 triệu quân dự bị, đông nhất trong số các quốc gia trong danh sách (Global Firepower, 2024). Quân đội Việt Nam tạo thành cốt lõi của sức mạnh quốc phòng.

Về trang thiết bị và vũ khí, quân đội Việt Nam chủ yếu được trang bị các vũ khí từ Nga và Liên Xô trước đây, với một số loại xe tăng chủ lực như T-90 và T54/55 được cải tiến, pháo phòng không, máy bay chiến Su-27, Su-30MK2 và các hệ thống phòng không tiên tiến như S-300, SPYDER, tàu ngầm lớp Kilo, tàu hộ tống Gepard và tên lửa chống hạm. Nhìn chung, Việt Nam đã nỗ lực đẩy mạnh hiện đại hoá quân đội, hướng đến đến mục tiêu đặt ra là năm 2030 có một số quân chủng, binh chủng, lực lượng hiện đại, và từ năm 2030 xây dựng toàn quân đội hiện đại (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 18-19). Mặc dù vậy, chỉ tiêu cho quốc phòng của Việt Nam còn ở vị trí khá khiêm tốn (đứng thứ 39/145 nước, ước tính khoảng 7,9 tỷ đô la (Global Firepower, 2024). Việt Nam cũng phụ thuộc lớn vào thiết bị quân sự nhập khẩu, đặc biệt là hệ thống vũ khí công nghệ cao, và hạn chế trong tiếp thu và tích hợp công nghệ chiến tranh hiện đại. Đặc biệt, khả năng triển khai sức mạnh của quân đội còn bị thách thức do thiếu hệ thống tên lửa tầm xa và lực lượng không quân có khả năng hoạt động liên tục ở ngoài khơi. Điều này cản trở khả năng triển khai sức mạnh ra ngoài biên giới trực tiếp hoặc bảo vệ lợi ích của Việt Nam ở các khu vực xa xôi.

Về mặt chiến lược, Việt Nam thực hiện chính sách quốc phòng tự chủ và không liên minh theo chính sách “4 không và 1 tùy” trong *Sách Trắng* năm 2019 (Bộ Quốc phòng, 2019: 25). Việt Nam cũng theo đuổi chính sách tập trung vào bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, “chiến tranh nhân dân” vẫn là trọng tâm trong chính sách quốc phòng của Việt Nam, nhấn mạnh đến việc huy động toàn bộ dân chúng trong trường hợp bị xâm lược và tạo nên điểm nổi trội về sức mạnh quốc phòng toàn dân. Các chính sách tăng cường ảnh hưởng và sức mạnh quân sự ra bên ngoài cũng được theo đuổi với việc Quân đội Việt Nam bước đầu tham gia vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ, cứu trợ thảm họa và nhân đạo quốc tế.

Các đánh giá về sức mạnh quân sự và quốc phòng của Việt Nam cho thấy đất nước đã có sự bứt phá trong những năm gần đây. Tổ chức Global Firepower xếp Việt Nam trong top 20 quốc gia dẫn đầu về sức mạnh quân sự toàn cầu (năm 2023). Báo cáo về Chỉ số Quyền lực châu Á của Viện Lowy xếp Việt Nam ở vị trí 12 trên tổng số 27 quốc gia được khảo sát về sức mạnh quân sự thông thường (Lowy Institute, 2024). Mặc dù có sự tăng trưởng, sức mạnh quân sự và quốc phòng của Việt Nam nhìn chung bị bỏ rất xa so với nhóm các nước dẫn đầu và hầu như ít thay đổi trong 5 năm trở lại đây.

3.1.4. Sức mạnh văn hoá

Sức mạnh văn hoá là sự hấp dẫn của nền văn hoá dân tộc và khả năng quảng bá, phổ biến nền văn hoá đó ra bên ngoài để giúp nâng cao vị thế quốc gia. Đối với Việt Nam, sức mạnh văn hoá được phát huy trên nền tảng rất thuận lợi, đó là nền văn hoá truyền thống lâu đời, mang tính đa dạng và độc đáo cùng các di sản văn hoá phong phú. Định hướng lâu dài của Đảng và Nhà nước về bảo tồn và phát triển ảnh hưởng văn hoá ra bên ngoài cũng đã được xác định sớm, từ bản “Đề cương văn hoá Việt Nam” năm 1943 đến các Nghị quyết về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” năm 1998, Nghị quyết “Về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” năm 2014. Đại hội XIII của Đảng cũng đã nhấn mạnh đến việc phải “xây dựng, phát huy yếu tố văn hoá để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập

quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Mặc dù có các cơ sở thuận lợi, sức mạnh văn hoá của Việt Nam trên thực tế chưa được phát huy đúng mức. Báo cáo của Chỉ số Quyền lực châu Á xếp hạng sức mạnh văn hoá năm 2024 của Việt Nam thứ 12/27 quốc gia được khảo sát, và điểm số đo lường từ năm 2018 đến 2024 luôn ở dưới mức 20 điểm trên tổng số 100 điểm tuyệt đối. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam xếp sau các nước Malaysia, Thái Lan, Singapore và Indonesia về sức mạnh văn hoá (Lowy Institute, 2024). Một nghiên cứu rộng rãi hơn của Brand Finance về Chỉ số Quyền lực mềm toàn cầu đề cập đến văn hoá và di sản như một trong các trụ cột để đánh giá sức mạnh mềm quốc gia. Theo đó, điểm số năm 2024 của Việt Nam ở mục này là 3,5 điểm, so với mức cao nhất của hạng mục này là 7,9 điểm của Pháp và Ý, và mức điểm thấp nhất là 1,8 điểm của Pakistan. Sức mạnh văn hoá chỉ đóng góp khoảng 8,8% vào tổng thể sức mạnh mềm của Việt Nam năm 2024 (Brand Finance, 2024).

3.2. Địa vị và quyền lực của Việt Nam

- Nhiều quan điểm nghiên cứu trong và ngoài nước đã thừa nhận Việt Nam ở địa vị cường quốc tầm trung (middle power) trên cơ sở tính toán về sức mạnh tổng hợp; nhận diện về chính sách, hành vi đối ngoại; và sự theo đuổi bản sắc, lý tưởng quốc gia¹.

Khái niệm cường quốc tầm trung ám chỉ các quốc gia nằm ở khoảng giữa trong hệ thống thứ bậc toàn cầu, không giữ địa vị nước lớn nhưng có ảnh hưởng quốc tế nhất định. Mặc dù khái niệm chưa được thống nhất trong cộng đồng học thuật, nhưng các tiêu chí được đưa ra để xác định một quốc gia tầm trung thường dựa trên các chỉ số sức mạnh có thể đo lường (về kinh tế, khả năng lãnh đạo, sự gắn kết nội bộ, khả năng ngoại giao); ngoài ra còn dựa trên phân tích hành vi đối ngoại của quốc gia; và xem xét đặc điểm bản sắc quốc gia và ý thức tự định vị mình là một quốc gia tầm trung. Quan niệm về các cường quốc tầm trung hiện nay cũng đang được mở rộng phổ nhận diện, từ các “cường quốc tầm trung truyền thống” đến các “cường quốc tầm trung mới nổi”. Các nước tầm trung mới nổi có sức mạnh tổng hợp yếu hơn các nước tầm trung truyền thống nhưng lại vượt trội về đầu tư vào nguồn lực chuyên biệt trong ngoại giao, sử dụng ngoại giao đa phương để phát huy ưu thế và có ảnh hưởng mạnh mẽ trong không gian nhất định. Ở mức độ nào đó, Việt Nam có thể được xếp vào nhóm các cường quốc tầm trung mới nổi, dựa trên cân nhắc về các nhóm tiêu chí như sau:

Về năng lực hay sức mạnh, sau gần 40 năm Đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã khẳng định được tầm quan trọng của mình trong hệ thống quốc tế. Việt Nam tuy còn chưa thể bắt kịp với nhóm các cường quốc tầm trung dẫn đầu (Canada, Australia, Hàn Quốc...), song đã có sự bứt phá nhất định về khoảng cách trong thứ bậc quốc tế. Sức mạnh tổng hợp quốc gia của Việt Nam, như đã được đề cập ở trên có những tăng trưởng rất đáng kể, đặc biệt là các chỉ số về phát triển kinh tế và con người trong mức thang xếp hạng của thế giới.

Về chính sách, Việt Nam theo đuổi ngoại giao đa phương, chủ trương xây dựng quan hệ đối tác sâu rộng với tất cả các cường quốc trong và ngoài khu vực nhằm phát huy ảnh hưởng và nâng cao vị thế quốc tế. Mặt khác, Việt Nam cũng hướng đến mục tiêu nhà “lãnh đạo về ý tưởng” và tham gia vào quá trình định hình “luật chơi” của hệ thống quốc tế, phát huy vai trò xúc tác, điều phối, hỗ trợ và quản lý trong các vấn đề quốc tế thông qua việc đề xuất các sáng kiến ngoại giao, xây dựng các chương trình nghị sự, đồng thuận, xây dựng lòng tin...

¹ Một số học giả như Carl Thayer, Evelyn Goh, Andrew Erskine, Lê Đình Tĩnh đã xuất bản các nghiên cứu thừa nhận địa vị cường quốc tầm trung của Việt Nam. Viện Lowy (Úc) khi đo lường ảnh hưởng của các quốc gia ở châu Á - Thái Bình Dương đã xếp Việt Nam là cường quốc tầm trung. Viện ISEAS - Yusof Ishak (Singapore) cũng có các nghiên cứu được công bố về ảnh hưởng ngày càng tăng của Việt Nam tại Đông Nam Á.

Đường lối đối ngoại này của Việt Nam phù hợp với đặc điểm chính sách của các nước tầm trung, vốn phải tìm kiếm biện pháp ngoại giao thích hợp để có thể tối đa hoá việc sử dụng nguồn lực hạn chế của mình, đạt được vị thế gia tăng trong quan hệ quốc tế.

Về bản sắc, Việt Nam theo đuổi chủ trương trở thành một “công dân tốt toàn cầu”. Việt Nam là nước ủng hộ mạnh mẽ luật pháp quốc tế. Đất nước cũng có những cam kết mạnh mẽ với các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) của LHQ, tích cực tham gia các hoạt động gìn giữ hoà bình, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai, đi đầu trong việc thúc đẩy sự đoàn kết, hợp tác và đối thoại hoà bình trong khu vực. Trong các nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN năm 2020 cũng như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ giai đoạn 2020-2021, Việt Nam đã thể hiện việc theo đuổi mạnh mẽ các mục tiêu thể hiện giá trị quan vì lợi ích cộng đồng. Thực tế này cho thấy Việt Nam đã tìm cách định hình bản sắc quốc gia, giống như thực tiễn của các cường quốc tầm trung khác như: Canada, Australia hay Hàn Quốc.

- *Quyền lực của Việt Nam phát huy trong không gian khu vực Đông Nam Á và bước đầu ở các khuôn khổ đa phương.*

Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hình tiến trình an ninh và hợp tác tại khu vực Đông Nam Á thông qua sự tham gia tích cực vào ASEAN và luôn đóng vai trò đi đầu trong các sáng kiến khu vực. Thông qua các đối thoại an ninh khu vực, chẳng hạn như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN và Diễn đàn Khu vực ASEAN, Việt Nam đã phát huy vai trò trong việc đảm bảo ổn định khu vực và dẫn dắt các vấn đề an ninh phù hợp với lợi ích của Việt Nam, ví dụ như thúc đẩy việc quốc tế hoá các tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông thông qua ASEAN. Mặt khác, Việt Nam ủng hộ một ASEAN độc lập, tự chủ, tự quyết và góp phần vào chính sách cân bằng chiến lược của ASEAN với các cường quốc tham gia tại khu vực. Với kinh nghiệm trong việc giải quyết các vấn đề trong quan hệ với Trung Quốc cũng như điều phối mối quan hệ giữa các cường quốc, Việt Nam có thể trở thành cầu nối trong các vấn đề địa chính trị tại khu vực. Tại Tiểu vùng Mê Kông, Việt Nam tham gia vào tất cả các cơ chế hợp tác nội khối và với các đối tác lớn bên ngoài, đồng thời luôn thể hiện cam kết chính trị rất cao, đóng vai trò của một quốc gia thành viên tích cực và xây dựng trong các hoạt động của Tiểu vùng này.

Ở cấp độ toàn cầu, vai trò và ảnh hưởng của Việt Nam được đánh giá hạn chế hơn rất nhiều so với phạm vi khu vực. Tuy nhiên, Việt Nam bước đầu đã có khả năng tham gia, tác động đến các chương trình nghị sự quan trọng toàn cầu. Quyền lực đa phương của Việt Nam đã được thể hiện rõ nét hơn nhờ việc đảm nhiệm các vai trò ngày càng quan trọng trong các diễn đàn và tổ chức quốc tế như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ nhiệm kỳ 2020-2021, Phó Chủ tịch Đại hội đồng LHQ Khóa 77, thành viên Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2023-2025, Ủy ban liên Chính phủ Công ước UNESCO về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể nhiệm kỳ 2022-2026... (Báo Điện tử Chính phủ, 2023).

4. Một số nhận xét và hàm ý về vấn đề định vị Việt Nam hiện nay

Định vị Việt Nam hiện nay trước hết cần đặt trong môi trường quốc tế nghĩa là gắn với những đặc điểm và sự biến đổi của cục diện thế giới. Thế giới hiện nay được nhìn nhận đang bước vào một giai đoạn phát triển then chốt. Trật tự thế giới do Mỹ dẫn dắt được định hình từ sau Chiến tranh Lạnh đang bị thách thức hơn bao giờ hết bởi sự bứt phá của các cường quốc mới nổi mà đáng chú ý nhất là Trung Quốc đã đe dọa làm thay đổi cán cân quyền lực toàn cầu và phủ nhận trật tự của Mỹ. Cạnh tranh chiến lược, tập hợp lực lượng, đấu tranh và kiềm chế lẫn nhau ngày càng dẫn dắt hành vi của các nước lớn, lần ắt xu hướng hợp tác. Các vấn đề toàn cầu, vấn đề an ninh phi truyền thống nổi lên cấp bách, tác động mạnh mẽ và nhiều chiều đến tất cả các quốc gia nhưng vẫn phải đối diện với chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xu hướng bảo hộ bên trong các nước. Các thể chế đa phương bị phân hoá sâu rộng, toàn cầu hoá và hội nhập

quốc tế vẫn tiếp tục gặp khó khăn và được thực hiện với sự thận trọng và chọn lọc hơn rất nhiều. Sự phân tách được ghi nhận trong lĩnh vực kinh tế và khoa học công nghệ của thế giới ngày càng rõ ràng, trong đó, cạnh tranh trong những ngành công nghệ tiên tiến trở nên gay gắt và có tính chất quyết định làm “thay đổi cuộc chơi”. Sự biến động nhanh chóng của môi trường quốc tế đặt yêu cầu cấp thiết về việc xác định đúng vị trí của Việt Nam trong hệ thống quốc tế để giúp đưa ra những hoạch định chính sách phù hợp và bảo vệ tối đa lợi ích quốc gia.

Cơ sở quan trọng hàng đầu để định vị quốc gia là sức mạnh tổng hợp hay các nguồn lực mà quốc gia sở hữu và phát huy. Một quốc gia có thể dựa vào việc gia tăng sức mạnh tổng hợp để tăng cường thứ bậc của mình trong hệ thống quốc tế. Đối với Việt Nam, sức mạnh tổng hợp đã được nâng lên trong gần bốn thập kỷ qua và đặc biệt một số thành tố như sức mạnh ngoại giao đã tăng trưởng ấn tượng những năm gần đây. Tuy nhiên, trong tương quan so sánh với các quốc gia trên thế giới và thậm chí ở khu vực Đông Nam Á, sức mạnh này vẫn rất khiêm tốn. Thực tế là tiềm lực của đất nước rất lớn nhưng vẫn chưa được khai thác đúng mức để chuyển biến thành sức mạnh. Đặc biệt, trong điều kiện “sức mạnh cứng” của Việt Nam còn hạn chế, việc nâng cao “sức mạnh mềm” của đất nước là rất quan trọng thông qua lựa chọn và phát huy các lý tưởng, nguyên tắc, giá trị, văn hoá và ứng xử thích hợp.

Địa vị của quốc gia vốn đến từ sự công nhận của cộng đồng quốc tế dành cho quốc gia đó. Địa vị “cường quốc tâm trung” của Việt Nam có thể còn gây tranh cãi, nhưng nó cho thấy Việt Nam có cơ sở, sự ủng hộ để hướng đến một vai trò và địa vị tương xứng. Các biện pháp để tìm kiếm địa vị của Việt Nam sẽ không thể đi theo con đường của chủ nghĩa duy lý - công cụ (khởi tạo và tham gia vào các xung đột) mà chủ yếu cần tiếp cận theo quan điểm tâm lý xã hội và kiến tạo, nghĩa là bắt chước, cạnh tranh, đổi mới và nhận thức về lòng tự trọng, tự hào dân tộc. Ngoài ra, vì địa vị quốc gia là một yếu tố động và có thể thay đổi nhanh chóng, việc định vị Việt Nam trong hệ thống quốc tế cũng phải là một quá trình liên tục, cần sự đánh giá và điều chỉnh thường xuyên dựa trên những thay đổi trong môi trường quốc tế và nội tại của đất nước.

Quyền lực quốc gia là khả năng quốc gia gây ảnh hưởng đến các chủ thể khác trong hệ thống quốc tế, bắt nguồn từ sức mạnh tổng hợp và địa vị của quốc gia. Muốn phát huy quyền lực của Việt Nam trong hệ thống quốc tế không chỉ ở cấp độ khu vực mà cả cấp độ toàn cầu, cần có chiến lược nâng cao sức mạnh và địa vị của Việt Nam. Trong bối cảnh này, việc tham khảo các nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn về cường quốc tâm trung có ý nghĩa với Việt Nam trong việc định hướng các mục tiêu, chính sách và hành động phù hợp.

5. Kết luận

Từ những phân tích về mặt lý luận và thực tiễn, có thể thấy rằng Việt Nam đã có sự bứt phá về mặt sức mạnh tổng hợp quốc gia, địa vị và quyền lực của mình trong những thập kỷ vừa qua. Điều này đồng nghĩa Việt Nam đã có một vị trí tối ưu hơn trong hệ thống quốc tế và có thể tự định vị quốc gia theo mục tiêu hướng đến một cường quốc tâm trung. Việc đạt được mục tiêu này sẽ phụ thuộc lớn vào thực tế Việt Nam có thể phát huy các nguồn lực sẵn có của mình đến đâu, xây dựng chiến lược tạo sự công nhận quốc tế để gia tăng địa vị và phương thức để tạo ảnh hưởng và lan toả quyền lực. Cục diện thế giới đang biến đổi mạnh mẽ hiện nay tạo nên một không gian hoạt động hàm chứa nhiều rủi ro nhưng cũng mở ra những cơ hội lớn cho sự tăng tốc, bứt phá và nâng cao vị trí của Việt Nam trong hệ thống thứ bậc quốc tế đương đại.

Tài liệu tham khảo

Báo Điện tử Chính phủ. (18/1/2023). Đối ngoại đa phương năm 2022: Những dấu ấn nổi bật. <https://baochinhphu.vn/doi-ngoai-da-phuong-nam-2022-nhung-dau-an-noi-bat-102230117140404459.htm>

Bộ Quốc phòng. (2019). *Quốc phòng Việt Nam 2019*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. <https://mod.gov.vn/wcm/connect/a7f22b32-724d-4643-9301-878e2ca4d8db/QuocphongVietNam2019.pdf?MOD=AJPERES&CACHEID=ROOTWORKSPACE-a7f22b32-724d-4643-9301-878e2ca4d8db-mXO.a.G>

Brand Finance. (2024). Global Soft Power Index. <https://static.brandirectory.com/reports/brand-finance-soft-power-index-2024-digital.pdf>

Cline, Ray S. (1975). *World Power Assessment: The Calculus of Strategic*. Drift. Boulder, Colo.: Westview Press.

Dương Ngọc. (11/03/2024). GDP bình quân đầu người: Nỗ lực đạt mục tiêu đề ra. *VnEconomy*. <https://vneconomy.vn/gdp-binh-quan-dau-nguoino-luc-dat-muc-tieu-de-ra.htm>

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.1,2. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Erskine, Andrew. (2022). The Middle Power Dynamic in the Indo-Pacific: Unpacking How Vietnam and Indonesia Can Shape Regional Security and Economic Issues. *Journal of Indo-Pacific Affairs*. <https://media.defense.gov/2022/Feb/08/2002934987/-1/-1/1/JIPA%20-%20ERSKINE%20-%20FEB%2022.PDF>.

Global Firepower. (2024). 2024 Vietnam Military Strength. https://www.globalfirepower.com/country-military-strength-detail.php?country_id=vietnam

Hoàng Nguyễn. (23/05/2024). Quy mô kinh tế đạt hơn 430 tỷ USD, Việt Nam được dự báo sẽ vượt Singapore sau 6 năm nữa?. *Tạp chí Con số và Sự kiện*. <https://consosukien.vn/quy-mo-kinh-te-dat-hon-430-ty-usd-viet-nam-duoc-du-bao-se-vuot-singapore-sau-6-nam-nua.htm>

Huang Shuofeng. (1992). *Zonghe guoli lun* (On comprehensive national power). Beijing: Zhongguo shehui kexue chubanshe.

Larson, Deborah Welch, T. V. Paul & Wohlforth, William C. (2014). Status and World Order, in *Status in World Politics*, eds. Deborah Welch Larson, T. V. Paul, and William C. Wohlforth. Cambridge: Cambridge University Press.

Larson, Deborah Welch & Shevchenko, Alexei. (2019). *Quest for Status: Chinese and Russian Foreign Policy*. New Haven, CT: Yale University Press.

Lowy Institute. (2024). Asia Power Index 2024, Vietnam. <https://power.lowyinstitute.org/countries/vietnam/>

Li Qingshan. (1995). *Xin junshi geming yu gao jishu zhanzheng* (The New Military Revolution and High Technology Warfare). Beijing: Junshi kexue chubanshe.

Morgenthau, H.J. (1948). *Politics among Nations: The Struggle for Power and Peace*. New York: Alfred A. Knopf.

Murray, Michelle. (2019). *The Struggle for Recognition in International Relations: Status, Revisionism, and Rising Powers*. Oxford: Oxford University Press.

Renshon, Jonathan. (2017). *Fighting for Status: Hierarchy and Conflict in World Politics*. Princeton: Princeton University Press.

Transparency International. (2024). Corruption Perceptions Index. <https://www.transparency.org/en/cpi/2023>

Wang Songfen. (1996). *Shijie zhuyao guojia zonghe guoli bijiao yanjiu* (Comparative studies of the comprehensive national power of the world's major nations). Changsha: Hunan chubanshe.

Ward, Steven. (2017). *Status and the Challenge of Rising*. Cambridge: Cambridge University Press.

Weber, Max. (1978). *Economy and Society*. University of California Press.

Wendt, Alexander. (1999). *Social Theory of International Politics*. Cambridge University Press.

World Bank. (2024). Worldwide Governance Indicators. <https://www.worldbank.org/en/publication/worldwide-governance-indicators/interactive-data-access>